

Bản án số: 133/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11/05/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4-BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chấn

Ông Chu Hồng Văn

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Quý Đôn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2026/QĐXX-ST ngày 09 tháng 03 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09/04/2026 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: **Thôn M, xã T, tỉnh Bắc Ninh**. Hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/10/2025, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án chị **Nguyễn Thị T** là nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 11/12/2007, chị và anh **Nguyễn Văn L** có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang** (nay là **UBND xã T, tỉnh Bắc Ninh**). Trước khi kết hôn anh, chị được tự do tìm hiểu và cùng thống nhất đi đến việc kết hôn. Sau khi kết hôn chị và anh **L** cùng nhau chung sống tại

thôn M, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn M, xã T, tỉnh Bắc Ninh). Vợ chồng chung sống ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Đến khoảng năm 2019 thì vợ chồng này sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, đánh nhau, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Tuy hai bên đã được hòa giải, họ hàng hai bên cũng đã khuyên bảo nhưng không thành. Hai vợ chồng ly thân từ năm 2024 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung là Nguyễn Văn T1, sinh ngày 31/8/2008 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 16/5/2013. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn L: Anh Nguyễn Văn L có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là Mỹ P1, xã T, tỉnh Bắc Ninh), đã được Tòa án thông báo, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh Nguyễn Văn L không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Nguyễn Thị T** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn L**.

- Về con chung: Giao cho chị **Nguyễn Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 31/8/2008 và **Nguyễn Văn P**, sinh ngày 16/05/2013. Sau khi ly hôn anh **L** được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh **L** thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu án phí 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị **Nguyễn Thị T** có đơn đề nghị giải quyết về ly hôn, con chung với anh **Nguyễn Văn L** nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn là anh **Nguyễn Văn L** có địa chỉ cư trú tại **huyện L, tỉnh Bắc Giang** (Hiện nay là **xã T, tỉnh Bắc Ninh**). Căn cứ Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị **Nguyễn Thị T** là nguyên đơn, đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh **Nguyễn Văn L** là bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh **Nguyễn Văn L** không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến, quan điểm và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kết quả xác minh thông tin xuất nhập cảnh: Tại Văn bản số 155/QLXNC ngày 14/01/2026 của Phòng Q - Công an tỉnh B thể hiện thông tin anh Nguyễn Văn L xuất cảnh ngày 12/9/2024 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 4-Bắc Ninh đã yêu cầu gia đình anh L cung cấp địa chỉ của anh L ở nước ngoài, nhưng anh gia đình anh L không cung cấp được địa chỉ cụ thể. Ông Nguyễn Văn S là bố đẻ anh Nguyễn Văn L xác định anh L vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình và gia đình đã thông báo cho biết việc chị T làm đơn ly hôn, anh L có ý kiến đồng ý ly hôn, đồng ý cho chị T nuôi dưỡng 02 con nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS, hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn L trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã T, tỉnh Bắc Ninh) ngày 11 tháng 12 năm 2007, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại biên bản xác minh đối với địa phương (Bút lục 40, 43, 62) và biên bản lấy lời khai đối với ông Nguyễn Văn S (bố đẻ anh Nguyễn Văn L, Bút lục 44, 63) đã cho thấy cuộc sống của vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L mâu thuẫn từ lâu, gia đình có được biết nhưng hòa giải không thành. Hiện tại anh Nguyễn Văn L đang đi lao động tại nước ngoài, không có mặt tại địa phương. Anh Nguyễn Văn L vẫn thường xuyên liên hệ về gia đình và có biết việc chị Nguyễn Thị T làm đơn ly hôn nhưng không cung cấp được địa chỉ cụ thể và không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn theo chị Nguyễn Thị T trình bày do anh chị hay xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh, chị đã ly thân từ năm 2024. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị T đến nay không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Tòa án đã tiến hành các buổi hòa giải nhưng anh Nguyễn Văn L đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị T** theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Nguyễn Văn L** có 02 con chung là **Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 31/8/2008 và **Nguyễn Văn P**, sinh ngày 16/05/2013. Quá trình giải quyết vụ án, chị **T** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung. Anh **L** không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản ý kiến đến Tòa án. Cháu **Nguyễn Văn T1** và cháu **Nguyễn Văn P** có ý kiến được ở cùng chị **T**.

Xét thấy: Để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các cháu, không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập của các cháu, cần giao cho chị **Nguyễn Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là **Nguyễn Văn T1** và **Nguyễn Văn P** là phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp nguyện vọng các con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Nguyễn Thị T** không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh **Nguyễn Văn L** được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị **Nguyễn Thị T** không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003555 ngày 17/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4-Bắc Ninh.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Nguyễn Thị T** được ly hôn anh **Nguyễn Văn L**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Nguyễn Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là **Nguyễn Văn T1**, sinh ngày 31/8/2008 và **Nguyễn Văn P**, sinh ngày 16/05/2013.

Sau khi ly hôn anh **Nguyễn Văn L** được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003555 ngày 17/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4-Bắc Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Nguyễn Thị T** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai. Anh **Nguyễn Văn L** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4-Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4-Bắc Ninh;
- UBND xã Tiên Lục;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Văn Chấn Chu Hồng Văn

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giáp Thị Loan

Nội nh

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND xã Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG xét xử thêm
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Thị Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thái Nguyễn Tiến Chính

Giáp Thị Loan

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ... phút, ngày 18 tháng 02 năm 2022.
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L1.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiên C, ông Nguyễn Hữu T2.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 359/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị C1, sinh năm 1994 (có mặt).

Bị đơn: Anh Đỗ Tuấn N, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng:* Cho chị Ngô Thị C1 được ly hôn anh Đỗ Tuấn N.

2. *Về con chung:* Giao cho chị C1 nuôi con Đỗ Thị Minh L2, sinh ngày 03/01/2013. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn anh N được quyền thăm nom con chung, chị C1 không được cản trở anh N thực hiện quyền này.

3. *Về án phí:* Chị Ngô Thị C1 phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 10/11/2021 theo biên lai thu số 0013380 xác nhận chị C1 đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thái Nguyễn Tiên Chính

Nguyễn Thị Lự

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ... phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tạ Thị Thu T3**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hữu T2** và ông **Nguyễn Xuân C2**.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 351/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Văn Hóa T4**, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: **Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang**.

Bị đơn: Chị **Lưu Thị D**, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: **Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang**.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh **Văn Hóa T4** và chị **Lưu Thị D**

2. *Về án phí:* Anh **T4** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003366 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Hữu Thái Nguyễn Xuân
Chung**

Tạ Thị Thu Thủy

